

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14/4/2021

“V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Tống Thị Điệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 708/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020, về việc: “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 17, xã Hòa K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 17, xã Hòa K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Tấn T và bà Bùi Thị H tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa K, thành phố B ngày 20/10/1998. Quá trình sống chung sống vợ chồng đến 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, bà H thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời rồi sau đó lại quay về, không quan tâm đến gia đình chồng con, tự ý lấy tiền của gia đình để tiêu xài cá nhân nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông T có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Bùi Thị H.

Về con chung: Ông T và bà H có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2005; Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1999; Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 2008.

Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng D và cháu Nguyễn Thị Hồng L cho đến khi đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Thị Mỹ L1 đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Bùi Thị H:

Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh vắng mặt không T tiếp tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T xin ly hôn anh Bùi Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Bùi Thị H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2005; Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 2008 cho ông Nguyễn Tấn T được T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Con chung là Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1999 đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không đặt ra yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà Bùi Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn Bà Bùi Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 17, xã Hòa K,

thành phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Hòa K, thành phố B ngày 20/10/1998, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung sống vợ chồng đến 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, bà H thường xuyên bỏ nhà đi chơi bởi rồi sau đó lại quay về, không quan tâm đến gia đình chồng con, tự ý lấy tiền của gia đình để tiêu xài cá nhân nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông T có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Bùi Thị H.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết ông T và bà H là vợ chồng, sống chung tại thôn 17, xã Hòa K, thành phố B, trong cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà H có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, bà H thường hay bỏ nhà đi rồi lại quay về. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà H vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẩn tránh, nên tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay ông T đang tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông T có công việc và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung cần giao cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 2005 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 2008 cho ông T tiếp tục tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Con chung là Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1999 đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không đặt ra yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T xin ly hôn với bà Bùi Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T được ly hôn và Bùi Thị H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 19/3/2005 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 19/01/2008 cho ông Nguyễn Tấn T được T tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Bà Bùi Thị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyễn Tấn T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do ông Ngô Văn T nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0012837 ngày 10/9/2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã Hòa K, TP. B
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh

